

Họ và tên: Số báo danh: **Mã đề 0901**

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Đặc điểm của đô thị nước ta hiện nay là

- A. phân bố đồng đều cả nước. B. đều có quy mô rất lớn.
C. gắn với công nghiệp hóa. D. Tỷ lệ dân thành thị cao.

Câu 2. Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc chủ yếu do

- A. lãnh thổ hẹp ngang, hướng nghiêng địa hình ra phía biển.
B. hướng núi, hướng nghiêng địa hình Tây Bắc - Đông Nam.
C. đất nước nhiều đồi núi, tổng lượng mưa trong năm lớn.
D. lượng mưa lớn, nhiều sông từ ngoài lãnh thổ chảy vào.

Câu 3. Biện pháp canh tác hợp lý đối với khu vực đất dốc là

- A. làm ruộng bậc thang. B. đẩy mạnh thâm canh.
C. củng cố đê ven biển. D. bón phân thích hợp.

Câu 4. Vào mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta thổi xen kẽ với gió

- A. Tây ôn đới. B. Tín phong bán cầu Bắc.
C. phơn Tây Nam. D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 5. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tăng tỉ lệ nhóm dưới 15 tuổi. B. Đang có cơ cấu dân số vàng.
C. Giảm tỉ lệ nhóm người cao tuổi. D. Nhóm trẻ em có Tỷ lệ cao nhất.

Câu 6. Ở nước ta, đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở dãy núi nào sau đây?

- A. Trường Sơn Nam. B. Trường Sơn Bắc. C. Hoàng Liên Sơn. D. Dãy Bạch Mã.

Câu 7. Nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm tài nguyên sinh vật ở nước ta là do

- A. biến đổi khí hậu. B. loài ngoại lai xâm hại.
C. khai thác quá mức. D. dân số tăng rất nhanh.

Câu 8. Loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta?

- A. đất xám bạc màu. B. đất mùn thô. C. đất phù sa. D. đất feralit.

Câu 9. Biên độ nhiệt độ năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, chủ yếu vì phía Bắc

- A. có một mùa đông lạnh. B. có gió phơn Tây Nam.
C. nằm gần chí tuyến hơn. D. có địa hình cao hơn.

Câu 10. Đặc khu nào sau đây của nước ta có vị trí cách xa đất liền nhất?

- A. Hoàng Sa. B. Phú Quốc. C. Phú Quý. D. Trường Sa.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Phân bố dân cư không đồng đều. B. Tỷ lệ tăng dân số đang tăng dần.
C. Cơ cấu dân số đang già hóa. D. Cơ cấu giới tính khá cân bằng.

Câu 12. Thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta chủ yếu mang nguồn gốc

- A. xích đạo. B. nhiệt đới. C. cận nhiệt đới. D. ôn đới.

Câu 13. Nước ta có vị trí nằm

- A. chủ yếu ở trong vùng khí hậu ôn đới. B. giáp với phía đông Thái Bình Dương.
C. tiếp giáp với Thái Lan trên đất liền. D. trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 14. Nhận định nào sau đây đúng với chất lượng lao động của nước ta?

- A. Trình độ đảm bảo yêu cầu công nghiệp hóa. B. Chất lượng lao động ngày càng nâng lên.
C. Chất lượng đồng đều giữa các vùng kinh tế. D. Phần lớn lao động nước ta đã qua đào tạo.

Câu 15. Nam Bộ nước ta có mưa lớn vào giữa và cuối mùa hạ là do tác động kết hợp của

- A. gió mùa Tây Nam từ vịnh Ben gan và bão.
B. dải hội tụ nhiệt đới và hoạt động của frông.
C. Tín phong bán cầu Bắc và gió mùa Đông Bắc.
D. Tín phong bán cầu Nam và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 16. Khu vực đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông đúc chủ yếu do

- A. có nhiều làng nghề, công nghiệp phát triển.
B. lịch sử quần cư lâu đời, nhiều loại dịch vụ.
C. kinh tế phát triển, tự nhiên nhiều thuận lợi.
D. đất trồng tốt, sản xuất nông nghiệp trù phú.

Câu 17. Khí hậu phần lãnh thổ phía Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. Tín phong bán cầu Bắc và địa hình dãy núi Trường Sơn Nam.
B. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.
C. Tín phong Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.
D. gió hướng tây nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.

Câu 18. Khí hậu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta tạo điều kiện thuận lợi phát triển hoạt động kinh tế nào sau đây?

- A. Sản xuất lúa gạo, trồng cây dược liệu. B. Trồng cây ăn quả, phát triển thủy điện.
C. Chăn nuôi gia cầm, du lịch cộng đồng. D. Du lịch nghỉ dưỡng, trồng rau ôn đới.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Sự phân hoá của thiên nhiên theo chiều Đông - Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ẩm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

a) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông kéo dài nhất cả nước.

b) Tại các vùng núi cao Tây Bắc có nhiệt độ hạ thấp do địa hình hút gió mùa Đông Bắc.

c) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn, khô hanh do vị trí và ảnh hưởng của các dãy núi hướng vòng cung.

d) Sự phân hóa thiên nhiên giữa vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc chủ yếu do tác động kết hợp của gió theo hướng tây nam, gió theo hướng đông bắc và địa hình vùng núi.

Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng tại trạm Láng (thành phố Hà Nội) năm 2023

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	18,2	20,7	22,7	25,5	29,5	30,4	31,5	29,8	29,1	27,8	24,4	19,8
Lượng mưa (mm)	8,0	24,2	7,6	72,0	64,2	375,4	134,6	358,8	269,7	22,4	61,0	21,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

- a) Tại trạm Láng tháng có lượng mưa lớn nhất trùng với tháng có nhiệt độ cao nhất.
- b) Tại trạm Láng có biên độ nhiệt độ năm là $12,7^{\circ}\text{C}$.
- c) Mùa mưa ở thành phố Hà Nội do tác động chủ yếu của gió mùa Đông Bắc, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.
- d) Biểu đồ kết hợp là dạng thích hợp nhất để thể hiện nhiệt độ và lượng mưa trung bình các tháng của trạm Láng năm 2023.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, trong tổng dân số cả nước, dân số nam là 50 346 030 người, chiếm 49,8%; dân số nữ là 50 766 626 người, chiếm 50,2%; dân số thành thị là 38 599 637 người, chiếm 38,2%; dân số nông thôn là 62 513 019 người, chiếm 61,8%. Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm khu vực thành thị giai đoạn 2019 - 2024 là 3,06%/năm, gấp 1,5 lần tỷ lệ tăng dân số bình quân năm khu vực thành thị của cả nước giai đoạn 2014 - 2019 (2,02%).

- a) Cơ cấu dân số theo giới tính ở nước ta đang mất cân bằng nghiêm trọng.
- b) Tỷ lệ dân thành thị nước ta thấp chủ yếu do trình độ phát triển công nghiệp và dịch vụ thấp.
- c) Ở nước ta, dân số nữ luôn cao hơn dân số nam ở mọi nhóm tuổi.
- d) Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm khu vực thành thị nước ta ngày càng cao phản ánh sự phân công lực lượng sản xuất ngày càng hợp lý hơn.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Phần đất liền, phạm vi lãnh thổ Việt Nam được xác định bởi các điểm cực: cực Bắc ở khoảng vĩ độ $23^{\circ}23'\text{B}$; điểm cực Nam ở khoảng vĩ độ $8^{\circ}34'\text{B}$; điểm cực Tây ở khoảng vĩ độ $102^{\circ}09'\text{Đ}$; điểm cực Đông ở khoảng vĩ độ $109^{\circ}28'\text{Đ}$. Nước ta tiếp giáp với các nước láng giềng với Trung Quốc, Lào, Campuchia và có chung Biển Đông với nhiều quốc gia.

- a) Lãnh thổ nước ta trải dài khoảng 12 vĩ độ.
- b) Vị trí địa lý tạo thuận lợi cho nước ta trong việc phòng chống thiên tai.
- c) Vị trí địa lý tạo thuận lợi cho nước ta phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- d) Vị trí địa lý quy định tính phân hóa của thiên nhiên nước ta, là cơ sở hình thành các miền địa lý tự nhiên.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2024 tại trạm quan trắc Sơn La

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,6	19,5	22,1	28,1	25,1	26,1	25,9	25,3	24,8	22,4	18,6	16,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình của năm 2024 tại trạm quan trắc Sơn La là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Lượng mưa các tháng năm 2024 tại trạm quan trắc Huế và trạm quan trắc Đà Nẵng

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Huế	91,3	11,3	38,6	6,6	237,1	91,1	179,8	93,5	527,5	960,5	787,6	644,0
Đà Nẵng	38,3	8,2	0,9	4,1	205,5	27,7	164,7	56,9	370,0	681,7	608,9	443,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết lượng mưa của tháng có lượng mưa nhỏ nhất tại trạm quan trắc Huế cao hơn lượng mưa của tháng có lượng mưa nhỏ nhất tại trạm quan trắc Đà Nẵng năm 2024 là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Nước ta có đường biên giới trên đất liền với 3 nước Trung Quốc, Lào và Campuchia. Trong đó, đường biên giới với Lào dài 2 067km, biên giới với Trung Quốc dài 1 449km và biên giới với Campuchia dài 1 137km. Hãy cho biết tỉ lệ đường biên giới với Lào so với toàn bộ đường biên giới trên đất liền nước ta chiếm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Năm 2024, dân số nam là 50 346 030 người, dân số nữ là 50 766 626 người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của dân số cả nước là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Năm 2024, nước ta có 52 942,3 nghìn lao động, trong đó tỉ lệ lao động đã qua đào tạo là 28,4%. Hãy cho biết số lượng chưa qua đào tạo ở nước ta năm 2024 là bao nhiêu triệu lao động (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng của nước ta giai đoạn 2010 – 2024

(Đơn vị: triệu ha)

Tiêu chí	2010	2021	2024
Diện tích rừng tự nhiên	10,3	10,1	10,1
Diện tích rừng trồng	3,1	4,6	4,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2011, 2021, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng diện tích rừng của nước ta năm 2024 so với năm 2010 tăng bao nhiêu triệu ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- **HẾT** -----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
C	C	A	B	B	C	C	D	A	D	B	B	D	B	D	C	D	D

1	2	3	4	1	2	3	4	5	6
ĐSSĐ	SSSĐ	SĐSĐ	SSĐS	22,6	5,7	44,4	99,2	37,9	1,5